



DỰ ÁN “HÒA NHẬP 1”

**Mô hình Con người - Môi trường
- Hoạt động chức năng (PEO)**



Mục tiêu học tập

- Học viên sẽ được học về mối quan hệ giao dịch giữa con người, môi trường và hoạt động chức năng thông qua mô hình PEO.
- Học viên sẽ học thêm về cách áp dụng thực tế mô hình này trong quá trình cung cấp hoạt động trị liệu cho nhi khoa.



Mục lục

Nội dung	
1.	Giới thiệu chung
2.	Cơ sở lý thuyết:
a.	Con người.
b.	Môi trường.
c.	Hoạt động chức năng.
d.	Việc thực hiện hoạt động chức năng.
3.	Các giả định của mô hình PEO.
4.	Các giai đoạn phát triển liên tục – Mô hình PEO.
5.	Chuỗi liên tục của chức năng – rối loạn chức năng.
6.	Ứng dụng cho thực hành.



1. Giới thiệu chung

- Một mô hình giúp cho chúng ta tổ chức lại các ý tưởng cho việc thực hành. Trong lĩnh vực HĐTL, các mô hình giúp cho các KTV tổ chức lại các suy nghĩ của họ về các hoạt động chức năng.
- Mô hình PEO được thành lập bởi Law và các cộng sự (1996) nhằm đáp ứng nhu cầu xác định về tài liệu HĐTL mô tả lý thuyết và ứng dụng lâm sàng của sự tương tác giữa con người, môi trường và hoạt động chức năng.

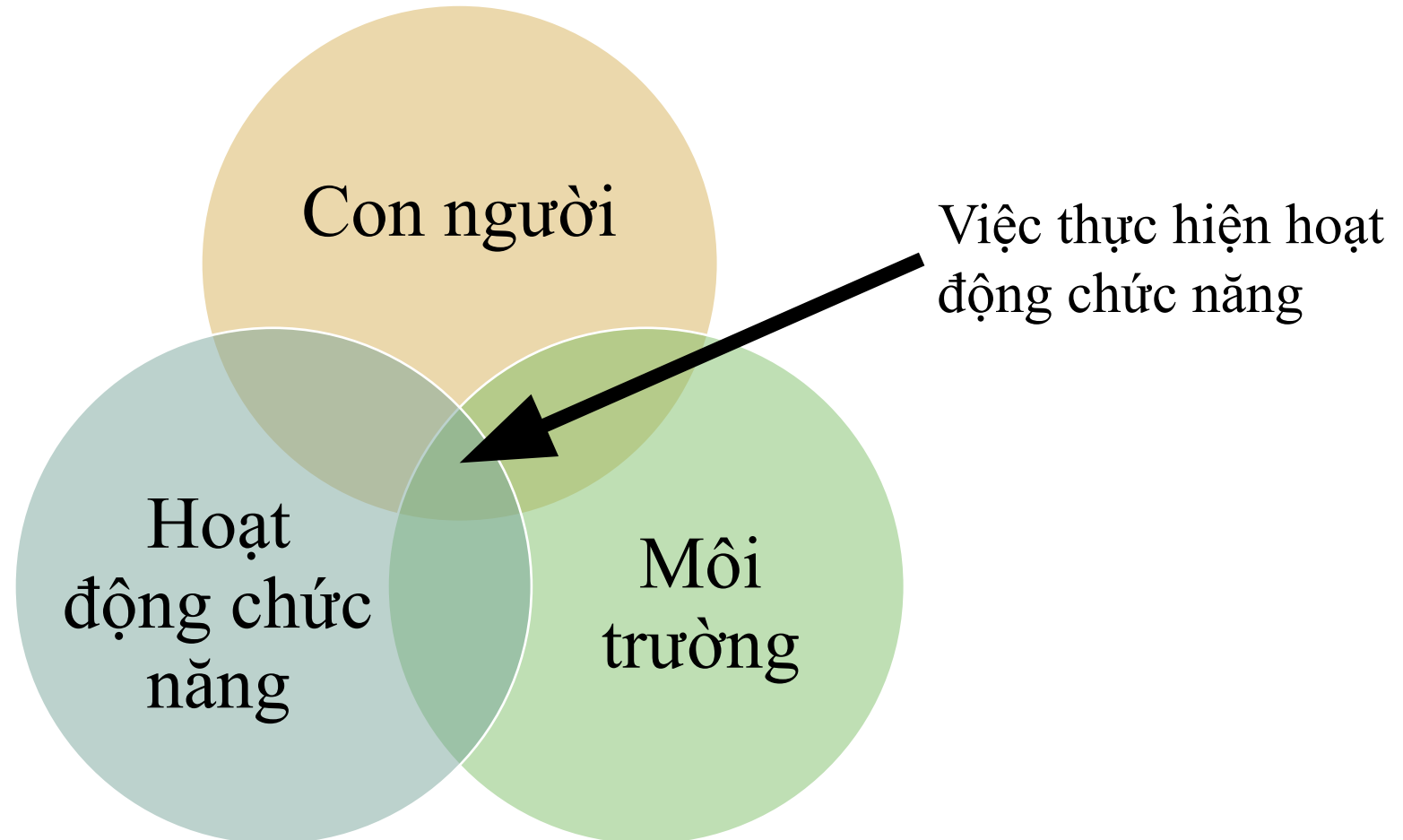


- Mô hình này là khung mẫu hướng dẫn cho các lý luận lâm sàng trong quá trình phân tích và hiểu sự tương tác phụ thuộc lẫn nhau giữa con người, môi trường và hoạt động chức năng.
- Tuy nhiên, mô hình này không chỉ định một bộ lượng giá hay cung cấp các hướng dẫn can thiệp nào, cho nên có thể sử dụng được những công cụ lượng giá và can thiệp HĐTL khác.



2. Cơ sở lý thuyết

- Mô hình này bao gồm ba thành phần, con người – Person (P), môi trường – Environment (E) và hoạt động chức năng – Occupation (O).



a. Con người

- Con người là một thực thể duy nhất đảm nhận nhiều vai trò và không thể tách ra khỏi sự ảnh hưởng của bối cảnh.
- Các vai trò khác nhau và thay đổi theo mức độ quan trọng tùy thuộc vào môi trường và giai đoạn phát triển của con người.
- Con người có một bộ kỹ năng, có được nhờ học hỏi và do bẩm sinh.



b. Môi trường

- Môi trường được định nghĩa là bối cảnh trong đó diễn ra việc thực hiện các hoạt động chức năng; và được phân loại thành bối cảnh văn hóa, kinh tế xã hội, vật lý và xã hội.
- Môi trường liên tục phát ra những tín hiệu và yêu cầu về các hành vi phù hợp cũng như được mong đợi.



c. Hoạt động chức năng

- Điều này được định nghĩa là những nhiệm vụ và hoạt động mà con người tự định hướng và tham gia trong suốt cả cuộc đời.
- Con người tham gia vào hoạt động chức năng để đáp ứng nhu cầu nội tại về việc tự duy trì, thể hiện và thỏa mãn cuộc sống. Và các hoạt động chức năng được thực hiện trong các bối cảnh khác nhau để thực hiện các vai trò phù hợp phát triển.



Mô hình xác định các lĩnh vực hoạt động chức năng là:

1. Chăm sóc bản thân



2. Hoạt động có năng suất



3. Giải trí




d. Việc thực hiện các hoạt động chức năng

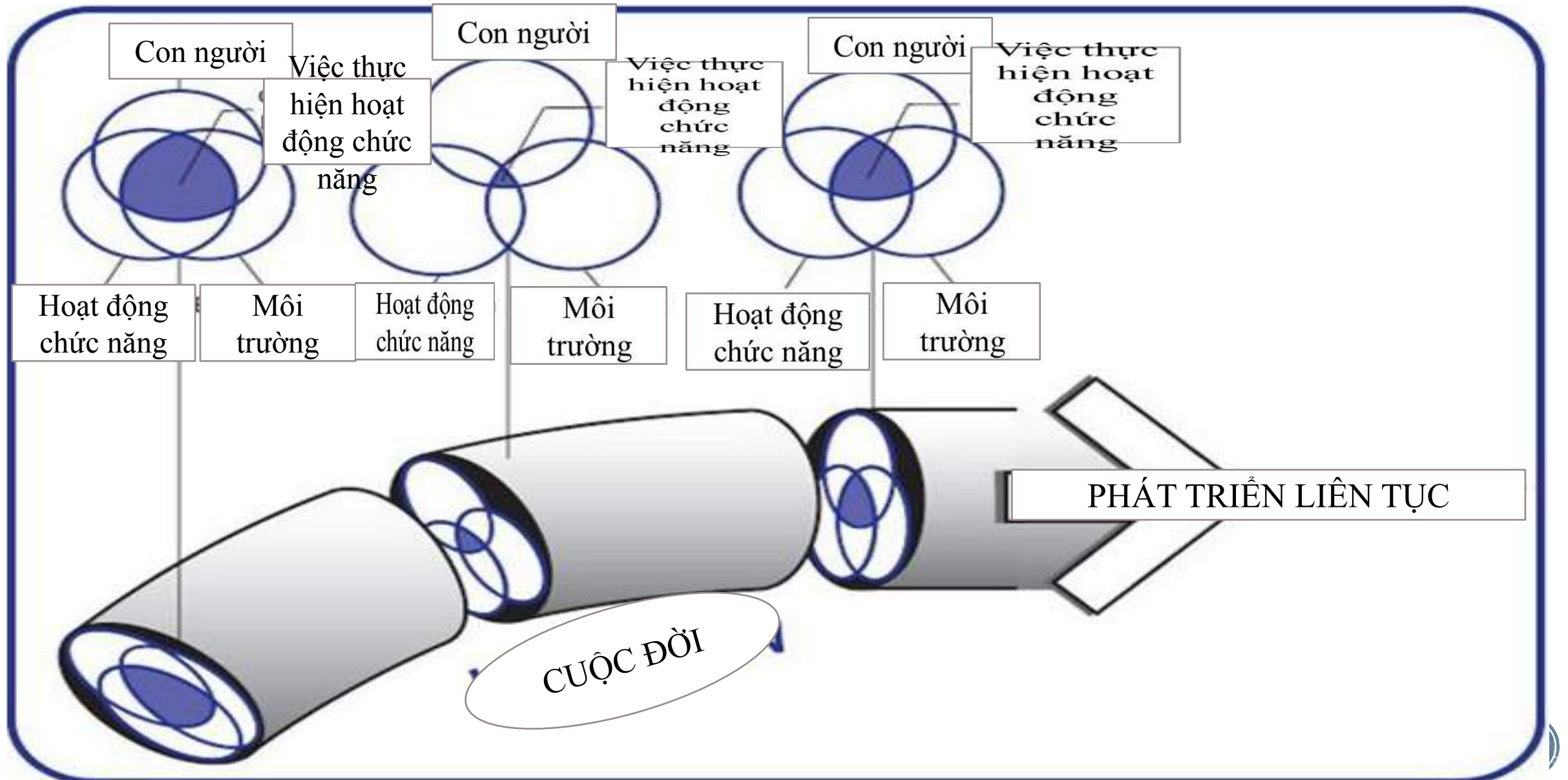
- Nó là kết quả quá trình giao dịch giữa con người, môi trường và hoạt động chức năng.
- Khả năng lựa chọn, tổ chức và thực hiện thỏa đáng các hoạt động chăm sóc bản thân có ý nghĩa và phù hợp văn hóa cũng như độ tuổi.



3. Các giả định của mô hình PEO

CON NGƯỜI	MÔI TRƯỜNG	HOẠT ĐỘNG CHỨC NĂNG	VIỆC THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG CHỨC NĂNG
✓ Con người luôn năng động, phát triển và tương tác với môi trường.	✓ Khi/ nếu môi trường luôn thay đổi thì hành vi cũng vậy.	✓ Các hoạt động chức năng là phức tạp và cần thiết cho chức năng của con người.	✓ Việc thực hiện hoạt động chức năng sẽ thay đổi suốt cả vòng đời và bị ảnh hưởng bởi yếu tố con người, môi trường và các hoạt động chức năng.
✓ Những phẩm chất xác định một con người sẽ quyết định cách người đó tương tác với môi trường và thực hiện các hoạt động chức năng.	✓ Môi trường có thể hỗ trợ hoặc hạn chế việc thực hiện hoạt động.	✓ Mọi quan hệ giữa các thành phần trong mô hình PEO là mối quan hệ giao dịch.	
	✓ Việc thay đổi môi trường sẽ dễ dàng hơn so với việc thay đổi con người.		

4. Các giai đoạn phát triển liên tục – Mô hình PEO

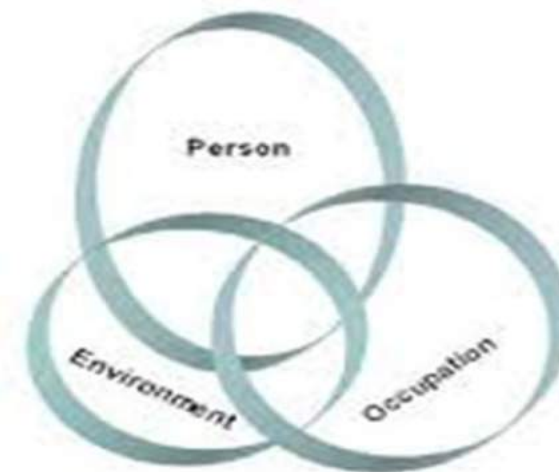


5. Chuỗi liên tục của chức năng – rối loạn chức năng

- Ba thành phần chính (P-E-O) tương tác liên tục qua thời gian và không gian theo cách làm tăng hay giảm sự tương thích.
- Phần chồng chéo/ sự tương thích càng gần nhau thì sự tương tác càng hài hòa.



**SỰ TƯƠNG THÍCH TỐI ĐA –
CHỨC NĂNG TỐI ƯU**
(Khả năng thực hiện hoạt động tối ưu)



**SỰ TƯƠNG THÍCH TỐI THIỂU –
RỐI LOẠN CHỨC NĂNG**
(Khả năng thực hiện hoạt động tối thiểu)



6. Áp dụng mô hình PEO vào thực hành

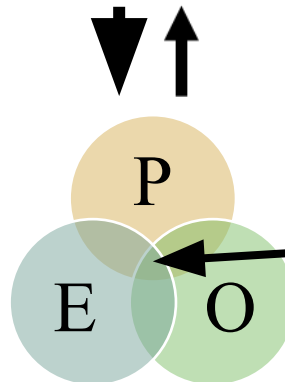
Xác định điểm mạnh và vấn đề trong khả năng thực hiện hoạt động

Lượng giá các thành phần trong khả năng thực hiện

Lượng giá hoạt động chức năng, hoạt động, hành động

Lượng giá điều kiện môi trường

Kết nối những thông tin này lại với nhau trong một khung liên kết với nhau để phát triển kế hoạch can thiệp với bệnh nhân.
Kết quả được đánh giá bằng cách đo lường khả năng thực hiện hoạt động.



Việc thực hiện hoạt động



7. Ứng dụng cho thực hành HĐTL

Ứng dụng

- ✓ Can thiệp cho đối tượng, hoạt động chức năng và môi trường bằng những cách khác nhau.
- ✓ Thực hiện can thiệp trong bối cảnh và các cấp độ khác nhau của môi trường.
- ✓ Sử dụng các bộ công cụ lớn hơn và đã được công nhận để đánh giá.
- ✓ Đo lường kết quả dựa trên sự thay đổi về thực hiện hoạt động.
- ✓ Nhấn mạnh vào hoạt động chức năng hơn là các thành phần trong việc thực hiện hoạt động.



Thank You!

